

Số: /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2019

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025

Kính gửi: HĐND tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP);

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Tại khoản 1, Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Chính phủ nêu rõ trách nhiệm của HĐND tỉnh:

"a) Rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng tại địa phương quy định tại Điều 8 Nghị định này; vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.

b) Ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật."

* Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

Thời gian qua, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, như: Nghị quyết của HĐND số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2017-2020; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh

vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi lại Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND); Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi là Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND); Đề án cơ giới hoá giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp; Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ nắm gắn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển lúa lai, lúa chất lượng; Đề án sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; Quy định mức hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi- thú y; Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà đồi Yên Thế theo hướng VietGAP; Đề án nâng cao chất lượng giống thủy sản; Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng thuộc nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương... Đối tượng của các chính sách chủ yếu là hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình sản xuất, riêng chỉ có Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND đối tượng thụ hưởng có doanh nghiệp với nội dung hỗ trợ là: Hỗ trợ đầu tư liên quan đến dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tem nhãn, bao bì đóng gói sản phẩm, truy xuất nguồn gốc.

Như vậy, qua rà soát, HĐND tỉnh, UBND tỉnh hầu như chưa có cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, cần thiết phải ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

* Về cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Để khuyến khích xây dựng cánh đồng mẫu để hình thành những cánh đồng sản xuất hàng hóa tập trung có cùng loại sản phẩm, có quy mô lớn, áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 ban hành chính sách hỗ trợ khuyến khích dồn điền, đổi thửa; xây dựng cánh đồng mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014-2016; Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 sửa đổi Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND, tuy vậy đến nay đã hết hiệu lực (hiệu lực đến ngày 31/12/2018). Tại Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND cũng có cơ chế hỗ trợ tập trung đất đai, tuy nhiên đối tượng thụ hưởng là Hợp tác xã nông nghiệp.

Do vậy, cần thiết phải ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Căn cứ thực tiễn tình hình phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh

Cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đoàn thể, xã hội, doanh nghiệp và bà con nông dân, nên sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh phát triển khá toàn diện và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khá cao (bình quân 7%/năm), cao hơn so với bình

quân chung của cả nước và các tỉnh TDMNPB; việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật, giống mới và đưa cơ giới hóa vào sản xuất được đẩy mạnh; năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi không ngừng tăng qua các năm; quy mô sản xuất một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh tăng nhanh...Tuy nhiên, nông nghiệp, nông thôn của tỉnh hiện còn nhiều hạn chế:

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp không ổn định phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu, thị trường tiêu thụ và có xu hướng chậm lại; đóng góp trong tăng trưởng kinh tế còn thấp, chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và mục tiêu đề ra.

- Việc tập trung đất đai còn khó khăn, thường chậm hơn dự kiến rất nhiều là một trong những trở ngại lớn trong đầu tư, sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tỷ lệ cơ giới hóa còn thấp nên năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản chưa cao; quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, phân tán, chủ yếu là kinh tế hộ.

- Việc bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn gặp khó khăn, số lượng cơ sở hoạt động chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh ít, chưa đáp ứng được nhu cầu, chưa có nhiều cơ sở chế biến sâu để mang lại giá trị kinh tế cao, các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh (vải, cam, bưởi, lúa, rau màu, cây lấy gỗ, con lợn, con gà) chủ yếu vẫn sơ chế thủ công theo phương pháp truyền thống, quy mô bảo nhỏ lẻ, tốn công lao động, hiệu quả sản xuất thấp do đa phần tiêu thụ thô, khó cạnh tranh và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

- *Đặc biệt*, việc thu hút dự án đầu tư vào nông, lâm nghiệp và thủy sản còn hạn chế, doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư dự án thuộc lĩnh vực này. Tính đến nay, tổng số dự án đã thu hút vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn là: 90 dự án (chiếm 5,98%), trong đó chỉ có 24 dự án do doanh nghiệp đầu tư, vốn đăng ký đạt 2.868,67 tỷ đồng (chiếm 1,66%) . Tính riêng năm 2018, chỉ thu hút được 9 dự án, trong đó 5 dự án do doanh nghiệp đầu tư. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này thấp chiếm khoảng 3% trên tổng số doanh nghiệp (hiện có khoảng 142 doanh nghiệp hoạt động). Nguyên nhân chủ yếu do đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều rủi ro, hiệu quả đầu tư thấp, thu hồi vốn chậm; phần lớn các doanh nghiệp đều gặp khó khăn về vốn do năng lực tài chính hạn chế; việc tiếp cận các khoản vay ưu đãi từ các Quỹ của Trung ương (Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu..) còn khó khăn; mức lãi suất của các ngân hàng thương mại từ 10% - 12%/năm là khá cao đối với các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Xuất phát từ căn cứ pháp lý và tình hình thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh nêu trên, ngoài việc thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, cần thiết ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025 nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội tại địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm thực hiện khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, tạo điều kiện thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh nhất là ở khu vực nông thôn.

2. Quan điểm

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và các chính sách pháp luật của cấp trên.

- Chính sách trong Nghị quyết được xây dựng với định mức hỗ trợ hợp lý, tập trung, hiệu quả, phù hợp với khả năng chi của ngân sách địa phương.

- Điều kiện để được nhận hỗ trợ của các chính sách trong Nghị quyết phù hợp với thực tế, doanh nghiệp và đối tượng thụ hưởng khác để đảm bảo tiếp cận.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã tham khảo ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan; **đã tiến hành đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.** Các cơ quan, đơn vị đều nhất trí sự cần thiết ban hành chính sách, đánh giá cao sự quan tâm của tỉnh nhằm hỗ trợ tạo điều kiện doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Tổng số cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến: ..., trong đó:

- Ý kiến nhất trí hoàn toàn với dự thảo: ý kiến.

- Ý kiến đóng góp: ý kiến, đã được Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình cụ thể.

Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra. UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

(Có Bản tổng hợp và giải trình ý kiến tham gia kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định gồm 10 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

Điều 2. **Hỗ trợ lãi suất vay thương mại**

Điều 3. Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung

Điều 5. Hỗ trợ trồng hoa, rau

Điều 6. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Điều 7. Hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản

Điều 8. Hỗ trợ cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà

Điều 9. Cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư

Điều 10. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách **đặc thù** hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2020, bao gồm: **hỗ trợ lãi suất vay thương mại**; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung; hỗ trợ trồng hoa, rau; **hỗ trợ trồng cây dược liệu**; **hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản nông sản**; **hỗ trợ cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà** và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2.1.2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Luật doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư và doanh nghiệp nhà nước) được hỗ trợ theo quy định từ mục 2.2.1 đến mục 2.2.7 dưới đây.

b) UBND xã, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); **thôn, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là cấp thôn)**; hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước được hỗ trợ theo quy định tại mục 2.2.8 dưới đây.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

2.1.3. Nguyên tắc áp dụng

a) Đối với nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau của Trung ương và của tỉnh thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Dự án được hỗ trợ phải nằm trong danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Các nguyên tắc khác theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2.2. Nội dung chính sách và cơ chế hỗ trợ

2.2.1. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức lãi suất hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ nhưng không quá 3%/năm.

b) Thời gian và mức hỗ trợ

- Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập theo quy định tại khoản 8, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: thời gian hỗ trợ tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

- Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị theo quy định tại khoản 9, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

2.2.2. Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ 100% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án trong 5 năm đầu và hỗ trợ 50% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án trong 5 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng nuôi và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ

Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi dê từ 300 con trở lên; dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi ngựa, trâu từ 100 con trở lên.

2.2.4. Hỗ trợ trồng hoa, rau

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng hoa, dự án đầu tư trồng rau tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

Dự án đầu tư trồng hoa có quy mô diện tích tập trung từ 02 ha trở lên (bao gồm cả diện tích sản xuất trong và ngoài nhà lưới, nhà màng, nhà kính).

Dự án đầu tư trồng rau có quy mô diện tích từ 05 ha trở lên (bao gồm cả diện tích sản xuất trong và ngoài nhà lưới, nhà màng, nhà kính).

2.2.5. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng các loại cây dược liệu tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí cây giống, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí cây giống đối với dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên.

- Hỗ trợ cả chi phí cây giống và đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án đối với dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10 ha trở lên.

- Cây dược liệu phải nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

2.2.6. Hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản (sấy, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) các loại: quả tươi (vải, cam, bưởi), lâm sản, rau, hoa, giống cây trồng được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Công suất cơ sở sấy lâm sản tối thiểu đạt 50 tấn sản phẩm/ngày.

- Bảo quản rau, hoa đạt 100 tấn kho; quả tươi (vải, cam, bưởi) đạt 250 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 50 tấn kho.

- Trường hợp các cơ sở này đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2.2.7. Hỗ trợ cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Các dự án dự án đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà phải bảo đảm điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,25 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu

- Trường hợp dự án đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2.2.8. Cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư

(1) Tại nơi có dự án nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của doanh nghiệp thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện tập trung được từ 10 ha trở lên (đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước) hoặc từ 100 ha (đối với đất rừng sản xuất) hỗ trợ những nội dung sau:

a) Hỗ trợ UBND cấp xã, cấp thôn 10 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 3 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất trong trường hợp UBND cấp xã, **cấp thôn** tuyên truyền, vận động để người dân tập trung đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại để đầu tư dự án. Số tiền hỗ trợ được sử dụng cho chi phí tuyên truyền, tổ chức các cuộc họp, cho người trực tiếp làm công tác tuyên truyền, vận động, trong đó cấp xã hưởng 30%, **cấp thôn** hưởng 70%.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cho UBND cấp xã thực hiện đo đạc, lập hồ sơ để quản lý đối với diện tích đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân cho thuê lại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng sản xuất, mặt nước trước khi bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

c) Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước để thực hiện dự án với thời gian từ 10 năm trở lên ngoài được hưởng tiền thuê đất, thuê mặt nước của doanh nghiệp còn được hỗ trợ bằng tiền tương đương với 100 kg thóc/360 m²/năm theo giá thóc **Sở Tài chính thông báo** tại thời điểm hỗ trợ đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 5 triệu đồng/ha/năm đối với đất rừng sản xuất. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian cho thuê lại đất, số tiền hỗ trợ được trả **hàng năm** sau khi UBND cấp xã bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

(2) Trong chu kỳ thuê đất của doanh nghiệp đầu tư dự án nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nhà nước không điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm ảnh hưởng đến dự án. Trừ trường

hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật đất đai và các trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Luật đất đai. Trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại theo quy định tại khoản (1) mục này được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

3. Dự kiến nguồn lực thực hiện Nghị quyết

Dự kiến nguồn lực thực hiện Nghị quyết khoảng 59,8 tỷ đồng/năm.

(Có biểu kèm theo)

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN HĐND TỈNH

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Về cơ bản, đến nay, dự thảo Nghị quyết không có nội dung nào còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định quy định một số chính sách **đặc thù** hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (i) Dự thảo Nghị quyết; (ii) Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (iii) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (iv) Báo cáo thẩm tra số ngày của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh; (v) Các tài liệu có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu dự kỳ họp;
- VPUBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TPKT, TH;
 - + Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Số: /2019/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2019

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /7/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025; Báo cáo thẩm tra số: /BC-HĐND ngày /6/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách **đặc thù** hỗ trợ và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm: **hỗ trợ lãi suất vay thương mại**; hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp; hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung; hỗ trợ trồng hoa, rau; **hỗ trợ trồng cây dược liệu**; **hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản nông sản**; **hỗ trợ cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà** và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc

Giang theo Luật doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư và doanh nghiệp nhà nước) được hỗ trợ theo quy định từ Điều 2 đến Điều 8 Quy định này.

b) UBND xã, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); **thôn, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là cấp thôn)**; hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước được hỗ trợ theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Đối với nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau của Trung ương và của tỉnh thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Dự án được hỗ trợ phải nằm trong danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Các nguyên tắc khác theo Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 2. Hỗ trợ lãi suất vay thương mại

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức lãi suất hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ nhưng không quá 3%/năm.

b) Thời gian và mức hỗ trợ

- Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành **lập theo quy định tại khoản 8, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP**: thời gian hỗ trợ tối đa là 08 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 02 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 06 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 01 tỷ đồng.

- Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, nhưng không quá 750 triệu đồng.

- Đối với dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị **theo quy định tại khoản 9, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP** thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm, nhưng tổng số tiền hỗ trợ không quá 500 triệu đồng.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 3. Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được **hỗ trợ 100% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án trong 5 năm đầu và hỗ trợ 50% số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp từ dự án trong 5 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Điều 4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng nuôi và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ

Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi dê từ 300 con trở lên; dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi ngựa, trâu từ 100 con trở lên.

Điều 5. Hỗ trợ trồng hoa, rau

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng hoa, **dự án đầu tư trồng rau** tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng giao thông, điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính và các trang thiết bị đi kèm như tưới nước tiết kiệm, điều chỉnh nhiệt độ... trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

Dự án đầu tư trồng hoa có quy mô diện tích tập trung từ 02 ha trở lên (bao gồm cả diện tích sản xuất trong và ngoài nhà lưới, nhà màng, nhà kính).

Dự án đầu tư trồng rau có quy mô diện tích từ 05 ha trở lên (bao gồm cả diện tích sản xuất trong và ngoài nhà lưới, nhà màng, nhà kính).

Điều 6. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

Doanh nghiệp có dự án đầu tư trồng các loại cây dược liệu tại nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí cây giống, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

- Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án để đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí cây giống đối với dự án có quy mô diện tích tập trung từ 05 ha trở lên.

- Hỗ trợ cả chi phí cây giống và đầu tư kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, hệ thống cấp nước trong hàng rào dự án đối với dự án có quy mô diện tích tập trung từ 10 ha trở lên.

- Cây dược liệu phải nằm trong danh mục quy định ưu tiên và khuyến khích phát triển của Bộ Y tế.

Điều 7. Hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản (sấy, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) các loại: quả tươi (vải, cam, bưởi), lâm sản, rau, hoa, giống cây trồng được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Công suất cơ sở sấy lâm sản tối thiểu đạt 50 tấn sản phẩm/ngày.
- Bảo quản rau, hoa đạt 100 tấn kho; quả tươi (vải, cam, bưởi) đạt 250 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 50 tấn kho.
- Trường hợp các cơ sở này đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Hỗ trợ cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư và không quá 03 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Các dự án dự án đầu tư cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà phải bảo đảm điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,25 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu
- Trường hợp dự án đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 9. Cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư

1. Tại nơi có dự án nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của doanh nghiệp thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện tập trung được từ 10 ha trở lên (đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước) hoặc từ 100 ha (đối với đất rừng sản xuất) hỗ trợ những nội dung sau:

a) Hỗ trợ UBND cấp xã, cấp thôn 10 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 3 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất trong trường hợp UBND cấp xã, **cấp thôn** tuyên truyền, vận động để người dân tập trung đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại để đầu tư dự án. Số tiền hỗ trợ được sử dụng cho chi phí tuyên truyền, tổ chức các cuộc họp, cho người trực tiếp làm công tác tuyên truyền, vận động, trong đó cấp xã hưởng 30%, **cấp thôn** hưởng 70%.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cho UBND cấp xã thực hiện đo đạc, lập hồ sơ để quản lý đối với diện tích đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân cho thuê lại đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng sản xuất, mặt nước trước khi bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

c) Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước để thực hiện dự án với thời gian từ 10 năm trở lên ngoài được hưởng tiền thuê đất, thuê mặt nước của doanh nghiệp còn được hỗ trợ bằng tiền tương đương với 100 kg thóc/360 m²/năm theo giá thóc **Sở Tài chính thông báo** tại thời điểm hỗ trợ đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước; 5 triệu đồng/ha/năm đối với đất rừng sản xuất. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian cho thuê lại đất, số tiền hỗ trợ được trả **hàng năm** sau khi UBND cấp xã bàn giao đất cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

2. Trong chu kỳ thuê đất của doanh nghiệp đầu tư dự án nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nhà nước không điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm ảnh hưởng đến dự án. Trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật đất đai và các trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Luật đất đai. Trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình, cá nhân có đất, mặt nước cho doanh nghiệp thuê lại theo quy định tại khoản 1 Điều này được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách nhà nước tỉnh
4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày.....và có hiệu lực kể từ ngày.....7/2019 đến hết ngày 31/12/2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Thường, trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin đại biểu dân cử Bắc Giang;
- TT thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

BẢNG TÍNH CHI PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh

STT	Nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ	Cơ sở tính	Đơn giá (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí hỗ trợ hàng năm (tr.đồng)
	<u>Tổng kinh phí hỗ trợ</u>					<u>59,797</u>
1	Hỗ trợ lãi suất vay thương mại					9,200
	Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập	Không quá 02 tỷ đồng	Dự kiến hỗ trợ hàng năm cho 32 dự án (mỗi năm có 4 dự án đầu tư, tổng vốn đầu tư bình quân khoảng 10 tỷ đồng, trong đó: vốn vay 7 tỷ đồng, khoản hỗ trợ lãi suất chênh lệch 3%/năm là 1.000 triệu đồng/8 năm, bình quân hàng năm hỗ trợ là 125 triệu đồng/năm/dự án)	125	32	4,000

Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư	Không quá 01 tỷ đồng	Dự kiến hỗ trợ hàng năm cho 18 dự án (mỗi năm có 3 dự án đầu tư, tổng vốn đầu tư bình quân mỗi dự án khoảng 10 tỷ đồng, trong đó: vốn vay 7 tỷ đồng, khoản hỗ trợ lãi suất chênh lệch 3%/năm là 757 triệu đồng/6 năm, bình quân hàng năm hỗ trợ là 125 triệu đồng/năm/dự án)	125	18	2,250
Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư	Không quá 750 triệu đồng	Dự kiến hỗ trợ hàng năm cho 15 dự án (mỗi năm có 3 dự án đầu tư, tổng vốn đầu tư bình quân khoảng 10 tỷ đồng, trong đó: vốn vay 7 tỷ đồng, khoản hỗ trợ lãi suất chênh lệch 3%/năm là 650 triệu đồng/5 năm, bình quân hàng năm hỗ trợ là 130 triệu đồng/năm/dự án)	130	15	1,950
Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị	Không quá 500 triệu đồng	Tính mức hỗ trợ tối đa, hàng năm dự kiến có 02 dự án được hỗ trợ	500	2	1,000

2	Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp	100% trong 5 năm đầu, 50% trong 5 năm tiếp theo	NSNN thực tế không bỏ tiền hỗ trợ mà hỗ trợ trên cơ sở số thực nộp theo quy định. Theo Số liệu của Cục thuế trong tổng số 142 DN hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tổng số thuế thu được là 2,6 tỷ đồng, bình quân mỗi doanh nghiệp đóng góp khoảng 18 triệu đồng thuế TNDN/năm; dự kiến hàng năm hỗ trợ 100% thuế TNDN cho 50 doanh nghiệp; 50% thuế TNDN cho 25 doanh nghiệp	1,125		1,125
3	Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (dê, ngựa, trâu) tập trung	Không quá 02 tỷ đồng/dự án	Dự kiến hỗ trợ cho 5 dự án của doanh nghiệp	2,000	5	10,000
4	Hỗ trợ trồng hoa, rau	Không quá 02 tỷ đồng/dự án	Dự kiến hỗ trợ cho 5 dự án của doanh nghiệp	2,000	5	10,000
5	Hỗ trợ trồng cây dược liệu	Không quá 02 tỷ đồng/dự án	Dự kiến hỗ trợ cho 3 dự án của doanh nghiệp	2,000	3	6,000
6	Hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản	Không quá 01 tỷ đồng/dự án	Dự kiến hỗ trợ cho 3 dự án của doanh nghiệp	1,000	3	3,000
7	Hỗ trợ cơ sở chế biến sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà	Không quá 03 tỷ đồng/dự án sản phẩm từ vải, cam, bưởi, thịt lợn, thịt gà	Dự kiến hỗ trợ cho 3 dự án của doanh nghiệp	3,000	3	9,000

8	Cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư					11,472
	Hỗ trợ UBND cấp xã, lãnh đạo cấp thôn tuyên truyền, vận động	10 triệu đồng/ha đối với đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước	Dự kiến có 02 dự án (diện tích sử dụng 10 ha trở lên, tạm tính bình quân là 12 ha)	10	24	240
		3 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất	Dự kiến có 01 dự án (diện tích sử dụng từ 100 ha trở lên, tạm tính bình quân là 120 ha)	3	120	360
	Hỗ trợ kinh phí cho UBND cấp xã thực hiện đo đạc, lập hồ sơ	4,7 triệu đồng/01 ha đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, mặt nước	Dự kiến có 02 dự án (diện tích sử dụng 10 ha trở lên, tạm tính bình quân là 12 ha)	4.7	24	113
		0,66 triệu đồng/01 ha đối với đất đối với đất trồng rừng sản xuất	Dự kiến có 01 dự án (diện tích sử dụng từ 100 ha trở lên, tạm tính bình quân là 120 ha)	0.66	120	79

Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân cho doanh nghiệp thuê lại đất, mặt nước	100 kg thóc/360 m ² /năm theo giá thóc tại thời điểm hỗ trợ đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, mặt nước (tạm tính giá thóc 7.000 đồng/kg; 1ha hỗ trợ 19,5 trđ/năm)	Dự kiến hằng năm hỗ trợ 240 ha đất, mặt nước	19.50	240	4,680
	5 triệu đồng/ha/năm đối với đất rừng sản xuất	Dự kiến hằng năm hỗ trợ 1.200 ha đất rừng sản xuất	5.0	1200	6,000